

GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU ĐIỀU TRA XÂY DỰNG

PHIẾU SỐ 01/XDDN-Q PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (CỦA DOANH NGHIỆP) (Quý)

I. Thông tin chung

Tên doanh nghiệp: Ghi tên chính thức của doanh nghiệp theo quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Mã số thuế của doanh nghiệp: Ghi mã số thuế do cơ quan Thuế/cơ quan Quản lý đăng ký kinh doanh cấp.

Địa chỉ: Ghi địa chỉ trụ sở giao dịch chính của doanh nghiệp. Ghi đầy đủ, không viết tắt các thông tin theo yêu cầu vào các dòng tương ứng trong phiếu điều tra để ghi mã đúng. Các ô mã trong mục địa chỉ do Cơ quan Thống kê ghi.

- Số điện thoại, số Fax, địa chỉ Email: Trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều số điện thoại, Fax, địa chỉ email thì ghi số điện thoại, số Fax, địa chỉ Email của bộ phận chịu trách nhiệm chính thực hiện phiếu điều tra này hoặc bộ phận hành chính của doanh nghiệp.

Loại hình kinh tế của doanh nghiệp: Khoanh tròn một chữ số phù hợp với loại hình tương ứng của doanh nghiệp.

Quy ước về loại hình doanh nghiệp nhà nước: Doanh nghiệp nhà nước được quy định theo Luật Doanh nghiệp 2014 như sau: Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Ngành hoạt động xây dựng: Ghi cụ thể tên ngành hoạt động xây dựng chính của doanh nghiệp. Ngành hoạt động xây dựng chính của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào hoạt động tạo ra giá trị tăng thêm lớn nhất trong số các hoạt động xây dựng do doanh nghiệp thực hiện. Trường hợp doanh nghiệp xây dựng không đủ thông tin để tính giá trị tăng thêm thì sử dụng một số tiêu chí thay thế theo thứ tự ưu tiên lần lượt dưới đây:

- + Giá trị sản xuất theo từng hoạt động xây dựng của doanh nghiệp;
- + Doanh thu từng hoạt động xây dựng của doanh nghiệp;
- + Số lao động làm việc trong từng hoạt động xây dựng của doanh nghiệp.

Căn cứ vào tên của ngành sản xuất kinh doanh chính, Cơ quan Thống kê ghi mã ngành kinh tế quốc dân theo danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý báo cáo: Ghi tổng số lao động mà doanh nghiệp đang sử dụng tại thời điểm cuối quý báo cáo.

Lao động trong doanh nghiệp xây dựng là toàn bộ những người tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không kể thời gian lao động dài hay ngắn, lao động trực tiếp hay gián tiếp, là lãnh đạo hay phục vụ,... Số lượng lao động của doanh nghiệp có thể phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau. Căn cứ vào mục đích tuyển dụng và thời gian sử dụng chia ra 2 loại:

+ Lao động thường xuyên: Là lực lượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp bao gồm những người được tuyển dụng chính thức và làm những công việc lâu dài thuộc chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp.

+ Lao động tạm thời (lao động thời vụ): Là những người làm việc theo các hợp đồng tạm tuyển ngắn hạn để thực hiện các công tác tạm thời, theo thời vụ.

II. Kết quả hoạt động sản xuất

Cột A:

1. Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng

Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng là các chi phí phát sinh thực tế cho hoạt động xây dựng trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp, gồm cả chi phí của hoạt động xây lắp và các chi phí của hoạt động khác ngoài xây lắp được quy ước tính vào xây dựng như: Chi phí cho thuê máy móc, thiết bị có kèm theo người điều khiển, chi phí thu hồi và tiêu thụ phế liệu xây dựng...

Cụ thể bao gồm các khoản sau:

- Chi phí vật liệu trực tiếp: Là toàn bộ giá trị vật liệu, cấu kiện xây dựng thực tế kết cấu vào công trình.

Số liệu lấy từ số phát sinh bên Có của Tài khoản “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp – TK 152, 153” và từ các sổ kế toán theo dõi chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh về vật liệu – TK 621.

Chỉ tính vào mục này giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu trực tiếp sử dụng vào công trình xây dựng, loại trừ giá trị vật liệu, nhiên liệu đã xuất kho nhưng sử dụng không hết phải nhập lại kho.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Là toàn bộ chi phí phải trả cho người lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong hoạt động xây dựng (Không bao gồm tiền lương và bảo hiểm xã hội của những lao động thuộc bộ phận quản lý và tiền lương của những công nhân trực tiếp điều khiển máy móc thi công), gồm: Toàn bộ tiền công, tiền lương, các khoản phụ cấp mang tính chất lương và các khoản chi phí khác cho người lao động được hạch toán vào chi phí sản xuất.

Số liệu lấy từ số phát sinh bên Có của tài khoản “Chi phí nhân công trực tiếp - TK 622” và các sổ kế toán lương - TK 334.

- Chi phí sử dụng máy móc thi công: Là các chi phí phục vụ cho hoạt động của các loại máy móc thi công, bao gồm: Chi phí nhân công của công nhân trực tiếp điều khiển máy móc (gồm lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương), chi phí nhiên liệu, điện năng, chi phí về các thiết bị phụ tùng thay thế trong quá trình sửa chữa, chi phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ; chi phí khấu hao máy móc thiết bị; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động của máy móc thi công.

Số liệu lấy từ số phát sinh bên Có của tài khoản “chi phí sử dụng máy thi công”.

- Chi phí sản xuất chung: Là các chi phí phục vụ cho hoạt động của các tổ, đội hoạt động sản xuất tại công trường, bao gồm: Chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý tổ, đội (bộ phận sản xuất tại công trường); Các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của công nhân trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng, công nhân điều khiển máy thi công; Chi phí vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, công cụ dụng cụ... ở tổ, đội sản xuất; Chi phí khấu hao TSCĐ (thiết

bị, máy móc...) sử dụng tại đội sản xuất; Các chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...) phục vụ cho hoạt động sản xuất tổ, đội và chi phí bằng tiền khác.

Số liệu lấy từ số phát sinh bên Có của tài khoản “Chi phí sản xuất chung - TK 627” loại trừ phần ghi giảm chi phí sản xuất chung, chi phí dịch vụ mua ngoài của nhà thầu phụ (nếu đã ghi ở phần chi phí do nhà thầu phụ thi công).

- Chi phí quản lý kinh doanh gồm: Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý (Lương, phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của lao động trong bộ máy quản lý doanh nghiệp), chi phí vật liệu phục vụ trực tiếp cho quản lý doanh nghiệp, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho quản lý của doanh nghiệp (nhà văn phòng, thiết bị máy móc của văn phòng), chi phí về các khoản thuế, phí và lệ phí (không gồm thuế giá trị gia tăng), chi dự phòng, chi phí cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác (tiền công tác phí, hội nghị, tiếp khách,...).

Số liệu lấy từ số phát sinh bên Có tài khoản “Chi phí quản lý doanh nghiệp - TK 642” loại trừ phần hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

Trường hợp doanh nghiệp xây dựng có hạch toán riêng tài khoản “Chi phí bán hàng” của hoạt động xây dựng, ghi gộp số liệu phát sinh bên Có của tài khoản này vào “Chi phí quản lý kinh doanh”.

- Chi trả lãi tiền vay cho hoạt động xây dựng: Là lãi phải trả do doanh nghiệp vay để tiến hành hoạt động xây dựng.

Số liệu lấy từ số phát sinh bên Có của tài khoản “Chi phí tài chính”, phần dùng cho hoạt động xây dựng.

- Chi phí khác: Là các khoản chi khác để có các khoản thu khác liên quan đến hoạt động xây dựng.

- Chi phí thực hiện hạng mục công trình do nhà thầu phụ thi công: Là tổng chi phí thực tế trong kỳ báo cáo của nhà thầu phụ đã thực hiện cho các hạng mục công trình mà doanh nghiệp là nhà thầu chính đã thuê nhà thầu phụ.

Lưu ý: Nếu doanh nghiệp có chi phí này thì số liệu được lấy từ bên Nợ tài khoản “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” hoặc bên có của tài khoản “chi phí sản xuất chung - dịch vụ mua ngoài của nhà thầu phụ”.

2. Giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp: Là giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư phụ tùng khác do bên A cấp được sử dụng trong kỳ, nhưng chưa được tính vào “Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng”.

3. Lợi nhuận hoạt động xây dựng: Gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng; Lợi nhuận khác phát sinh có liên quan đến hoạt động xây dựng. Không tính lợi nhuận từ các hoạt động tài chính. Trường hợp doanh nghiệp không tính được đầy đủ lợi nhuận trong kỳ thì có thể căn cứ vào khối lượng công trình hoàn thành để tính lợi nhuận theo định mức.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng bằng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản về giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi trả lãi tiền vay phục vụ hoạt động xây dựng.

Quy ước: Trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động xây dựng có lợi nhuận âm (nhỏ hơn 0) thì quy ước ghi vào mục này lợi nhuận bằng 0.

4. Giá trị sản xuất xây dựng: Là kết quả hoạt động sản xuất xây dựng bao gồm giá trị của các công việc: chuẩn bị mặt bằng, xây dựng công trình, lắp đặt máy móc thiết bị, hoàn thiện công trình và những hoạt động khác được quy định tính cho ngành xây dựng như khảo sát, thiết kế qui hoạch phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, giá trị cho thuê máy móc thiết bị có người điều khiển đi kèm. Tính vào giá trị sản xuất ngành xây dựng các hoạt động sản xuất phụ khác nếu không tách riêng được nhưng không quá 10% so với hoạt động chính.

Giá trị sản xuất xây dựng bao gồm:

- (1) Tổng chi phí hoạt động xây dựng;
- (2) Giá trị VLXD, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp (nếu có);
- (3) Lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng, lợi nhuận khác có liên quan đến hoạt động xây dựng;

Phân bổ giá trị sản xuất của hoạt động xây dựng cho các loại công trình: công trình nhà ở, công trình nhà không để ở, công trình kỹ thuật dân dụng và hoạt động xây dựng chuyên dụng.

- Công trình nhà ở: gồm nhà cho một gia đình và nhà cho nhiều gia đình bao gồm cả các tòa nhà cao tầng. Nhà ở bao gồm nhà ở chung cư và nhà ở riêng lẻ.

+ Nhà chung cư: là những ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên được xây dựng dùng để ở, trong đó có nhiều căn hộ riêng biệt, có lối đi, cầu thang và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung.

+ Nhà riêng lẻ: là những ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà một tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

- Nhà không để ở: gồm nhà xưởng sản xuất, công trình thương mại (trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng, nhà hàng ăn uống giải khát, nhà kho, nhà triển lãm, nhà ga hàng không, đường sắt và đường bộ, bãi đỗ xe, trạm xăng dầu...); Công trình giáo dục (nhà trẻ, trường học...); Công trình y tế (bệnh viện, phòng khám, trạm y tế, nhà điều dưỡng...); Công trình thể thao trong nhà (sân vận động, nhà thi đấu, tập luyện trong nhà); Công trình văn hoá (trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hoá, rạp chiếu phim, rạp xiếc, bảo tàng, thư viện, nhà trưng bày, công trình di tích phục vụ tín ngưỡng, công trình vui chơi giải trí...); Công trình thông tin, truyền thông (bưu điện, bưu cục, nhà lắp đặt thiết bị thông tin, đài lưu thông...); Nhà đa năng, khách sạn, ký túc xá, nhà khách, nhà nghỉ, trụ sở làm việc;...

- Công trình kỹ thuật dân dụng: gồm các công trình đường sắt, đường bộ, đường băng sân bay, điện, cấp, thoát nước, viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, chế biến chế tạo, công trình thể thao ngoài trời...

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng gồm các hoạt động xây dựng được chuyên môn hóa như: phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (đóng cọc, san nền...), đổ khung, đổ bê tông, xếp gạch, xây ốp đá, bắc giàn giáo, lợp mái, lắp đặt kết cấu thép, lắp đặt các trang thiết bị gắn liền với công trình xây dựng như: lắp đặt hệ thống điện, nước, sưởi, điều hòa không khí, cấp thoát nước, hệ thống thang máy, thang cuốn, chuông báo động, hệ thống chống cháy nổ, ...; Hoạt động hoàn thiện công trình liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc một công trình như lắp kính, trát vữa, quét vôi, trang trí, làm sạch ngoại thất...

Việc thuê thiết bị có người điều khiển đi kèm được phân theo hoạt động xây dựng liên quan.

Phân bổ giá trị sản xuất của hoạt động xây dựng cho tỉnh thành phố: công trình, hạng mục công trình xây dựng ở tỉnh/thành phố nào thì ghi giá trị xây dựng cho tỉnh/thành phố đó.

Cơ quan Thống kê ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng ở cột mã số (cột B).

Cột 1: Ghi giá trị thực hiện quý trước quý báo cáo.

Cột 2: Ghi giá trị dự tính quý báo cáo.

Cột 3: Ghi giá trị cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo.

Lưu ý: Với các công trình đã hoàn thành, chỉ tính giá trị xây dựng được thực hiện trong kỳ, không tính phần xây dựng trong các kỳ trước chuyển sang; Với các công trình xây dựng dở dang, chỉ tính giá trị xây dựng phát sinh trong kỳ.

III. Một số công trình chủ yếu của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ

Công trình là tổng hợp những đối tượng xây dựng được thi công trên một hoặc nhiều địa điểm nhưng có chung một bản thiết kế kỹ thuật (thiết kế triển khai) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (thiết kế chi tiết) và giá trị của các đối tượng xây dựng đó được tính chung vào một bản tổng dự toán. Công trình có thể là một ngôi nhà hoặc một vật kiến trúc có thiết kế và dự toán độc lập.

Hạng mục công trình là đối tượng xây dựng thuộc công trình có bản vẽ thi công hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán xây lắp hạng mục riêng nằm trong thiết kế và tổng dự toán chung của công trình. Năng lực (sản xuất hoặc phục vụ) của hạng mục có thể được huy động độc lập theo thiết kế hoặc có thể kết hợp cùng với năng lực của các hạng mục khác để tạo nên năng lực tổng thể của toàn bộ công trình.

Qui ước:

- Các công trình, hạng mục công trình được một doanh nghiệp thi công tất cả các công đoạn khảo sát, thiết kế, san lấp mặt bằng, xây dựng, hoàn thiện công trình (nhưng không hạch toán riêng kết quả của từng công đoạn) qui ước tính toàn bộ kết quả sản xuất vào công trình hoặc hạng mục xây dựng chính của công trình.

- Các hạng mục của một công trình do nhiều đơn vị không cùng một doanh nghiệp, cùng thi công tại một địa điểm được qui ước mỗi hạng mục công trình do một doanh nghiệp thực hiện được ghi 1 dòng. Trường hợp các hạng mục của một công trình cùng được thi công bởi một doanh nghiệp tại một địa điểm trong kỳ nghiên cứu, ghi chung 1 dòng.

Cột A: Tên công trình: Ghi tên công trình, hạng mục công trình theo đúng tên được xác định trong quyết định đầu tư hoặc thiết kế kỹ thuật của công trình (nếu có).

Cột B: Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

Cột C: Mã ngành: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành hoạt động xây dựng theo danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 củ Thủ tướng Chính phủ.

Cột D: Địa điểm xây dựng: Ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi công trình được xây dựng.

Cột E: Địa điểm xây dựng: Cơ quan Thống kê ghi mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục hành chính hiện hành.

Cột G: Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

Cột H: Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành: Ghi rõ tháng, năm hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành của công trình.

Cột 1: Tổng giá trị công trình: Ghi ước tính tổng giá trị xây dựng của toàn bộ công trình khi hoàn thành (giá trước thuế).

Cột 2: Ghi giá trị thực hiện quý trước quý báo cáo.

Cột 3: Ghi giá trị dự tính thực hiện quý báo cáo.

Cột 4: Ghi giá trị cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo.

IV. Nhận định của doanh nghiệp về tình hình sản xuất

Phần này nhằm thu thập đánh giá của doanh nghiệp xây dựng về sự hỗ trợ của hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước và hệ thống ngân hàng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; nhận định của doanh nghiệp về tình hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp nói riêng và các doanh nghiệp xây dựng nói chung trong quý tiếp theo, làm cơ sở cho việc dự báo tình hình hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp xây dựng trong các quý tiếp theo.

Với mỗi một câu hỏi, chỉ đánh dấu (X) vào một lựa chọn mà doanh nghiệp thấy phù hợp nhất và ghi cụ thể ý kiến/kiến nghị của doanh nghiệp (nếu có).

.....

PHIẾU SỐ 02/XDXP-Q
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN
ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Quý)

Phiếu này thu thập thông tin đối với các công trình hoặc hạng mục công trình thực hiện trong kỳ do xã/phường đầu tư và tự tổ chức xây dựng dưới hình thức huy động công đóng góp của nhân dân trong xã/phường hoặc thuê thợ xây dựng cá thể thực hiện, không tính các công trình xây dựng do xã/phường thuê các doanh nghiệp hạch toán độc lập chuyên xây dựng thực hiện.

Phiếu này cũng thu thập thông tin đối với các công trình xây dựng không do xã/phường làm chủ đầu tư và tự tổ chức xây dựng mà do dân đóng góp và tự đầu tư xây dựng nhưng với mục đích phục vụ cộng đồng, được thực hiện trên địa bàn xã/phường như: đền, chùa, miếu, nhà thờ công giáo, đường giao thông nông thôn xóm, hệ thống thoát nước, công trình vệ sinh môi trường chung...

Đầu tư xây dựng của xã/phường gồm các hoạt động đầu tư xây dựng công trình mới, sửa chữa, mở rộng, cải tạo, lắp ghép cấu trúc, cấu kiện đúc sẵn trên mặt bằng xây dựng và cả việc xây dựng các công trình tạm, các công việc chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc thiết bị, hoàn thiện công trình và những hoạt động khác được tính cho ngành xây dựng thực tế đã thực hiện được trong kỳ báo cáo trên địa bàn xã/phường.

Xã/phường thường đầu tư xây dựng công trình công cộng phục vụ cho dân cư trên địa bàn như:

- Nhà ở: Nhà xây dựng để ở do xã/phường tự tổ chức xây dựng, hoặc tổ chức xây dựng theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, chủ yếu là các công trình nhà ở tình nghĩa, nhà ở tình thương được xây dựng để tặng cho các đối tượng chính sách như gia đình có công với cách mạng, thương binh, bệnh binh, mẹ hoặc con liệt sĩ và các đối tượng chính sách khác như diện đói nghèo, tàn tật, tai nạn chiến tranh, đối tượng bị thiên tai,...

- Trụ sở làm việc;
- Trường học, nhà trẻ, nhà mẫu giáo;
- Trạm y tế;
- Các công trình văn hoá: Nhà văn hoá, đài tưởng niệm, đình chùa được xếp hạng di tích lịch sử, ...
- Đường giao thông nông thôn;
- Công trình thủy lợi: Trong công trình thủy lợi, phần các công trình đầu mối là các trạm bơm, cống cấp, thoát nước;
- Các công trình khác.

Tổng chi đầu tư xây dựng của xã/phường là tổng các chi phí phát sinh thực tế cho đầu tư xây dựng trong kỳ báo cáo gồm:

+ Chi phí vật liệu: Là toàn bộ giá trị vật liệu, cấu kiện xây dựng thực tế kết cấu vào thực thể công trình;

+ Chi phí nhân công: Là toàn bộ chi phí phải trả cho người lao động trực tiếp tham gia vào hoạt động xây dựng do xã/phường đầu tư; Công của người dân tự

nguyện đóng góp dưới dạng Nhà nước và nhân dân cùng làm cũng được tính vào chi phí nhân công;

+ Chi phí thuê máy thi công;

+ Chi phí khác phát sinh trong quá trình thi công.

Trong tổng chi đầu tư xây dựng, phải trừ đi các khoản thu phát sinh bất thường trong quá trình thi công như thu do tiêu thụ phế liệu xây dựng; thu do bán giàn giáo, cốp pha đã sử dụng xong, ...

Giá trị sản xuất hoạt động đầu tư xây dựng xã/phường bằng tổng chi cho đầu tư xây dựng của xã/phường.

Giá trị xây dựng thực hiện trong kỳ **không** bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, giá trị đất (kể cả đất do xã, phường tự bỏ ra xây dựng hay bỏ tiền ra mua).

Lưu ý: Với các công trình đã hoàn thành, chỉ tính giá trị xây dựng đã thực hiện được trong kỳ, không tính phần xây dựng trong các kỳ trước chuyển sang; Với các công trình xây dựng dở dang, chỉ tính giá trị xây dựng phát sinh trong kỳ.

Cách ghi phiếu:

I. Thông tin chung

1. Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn: Ghi tên Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn theo Quyết định thành lập.

2. Địa chỉ: Ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: Cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

- Số điện thoại: Ghi số điện thoại của bộ phận (phòng, ban) trực tiếp cung cấp thông tin điều tra.

- Số fax: Ghi số fax nếu có.

- Email: Ghi địa chỉ email nếu có.

II. Công trình xây dựng thực hiện trong kỳ

Cột A: Ghi số thứ tự công trình.

Cột B: Tên công trình: Ghi tên công trình, hạng mục công trình xây dựng theo đúng tên được xác định trong quyết định đầu tư hoặc thiết kế kỹ thuật của công trình (nếu có).

Trường hợp không có thiết kế kỹ thuật của công trình thì ghi mô tả chi tiết công trình, ví dụ: xây nhà tình nghĩa gia đình ông Nguyễn Văn A; sửa chữa đường liên thôn, xây nhà thờ họ....

Lưu ý: Ghi lần lượt từng công trình thực hiện trong kỳ, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

Cột C: Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

Cột D: Mã ngành: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành hoạt động xây dựng theo danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 củ Thủ tướng Chính phủ.

Cột E: Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

Cột G: Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành: Ghi rõ tháng, năm hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành của công trình.

Cột 1: Tổng giá trị công trình: Ghi ước tính tổng giá trị xây dựng của toàn bộ công trình khi hoàn thành.

Cột 2: Ghi giá trị thực hiện quý trước quý báo cáo.

Cột 3: Ghi giá trị dự tính thực hiện quý báo cáo.

Cột 4: Ghi giá trị cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo.

Quy ước: Đối với một số loại nhà như: Nhà tình thương, nhà tình nghĩa, nhà đồng đội... được xây dựng hoặc hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng chính sách, nếu xã/phường hoặc các tổ chức, cá nhân trao tặng xây dựng công trình thì quy ước ghi vào phiếu này, nếu hộ dân cư tự xây dựng (có hỗ trợ kinh phí từ các nguồn của nhà nước, của các tổ chức, cá nhân) thì thực hiện điều tra theo phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng của hộ dân cư (phiếu số 04/XDH-Q).

.....

PHIẾU SỐ 03/DSH-Q
PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ TẠI ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA
(Quý)

Phiếu này lập danh sách tất cả các hộ dân cư có trên địa bàn được chọn mẫu điều tra nhằm xác định số lượng hộ thuộc diện điều tra, tên và địa chỉ của các hộ được điều tra, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót đơn vị hộ điều tra. Mỗi địa bàn được chọn mẫu điều tra lập thành một phiếu.

Điều tra viên đến từng hộ trong địa bàn được chọn mẫu điều tra, hỏi và ghi thông tin vào phiếu lập danh sách hộ dân cư thuộc địa bàn mẫu điều tra. Nếu hộ không thực hiện đầu tư xây dựng trong quý thì chỉ ghi thông tin của hộ vào phiếu này, nếu hộ có thực hiện đầu tư xây dựng trong quý thì điều tra theo phiếu số 04/XDH-Q.

Cách ghi phiếu:

I. Thông tin chung:

Tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn: Điều tra viên ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn: Cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

Địa bàn điều tra: Ghi tên địa bàn và địa bàn số theo Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

Khu vực: điều tra viên khoanh tròn vào mã thành thị hoặc nông thôn theo danh sách địa bàn của Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

II. Kết quả lập danh sách hộ dân cư trong địa bàn

Cột 1: TT hộ: điều tra viên ghi thứ tự từ 1 đến hết của số hộ trong địa bàn.

Cột 2: Họ và tên chủ hộ: điều tra viên ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin của hộ.

Cột 3: Địa chỉ: điều tra viên ghi đầy đủ thông tin về thôn, ấp, số nhà, đường phố của hộ.

Cột 4, 5: Hộ có đầu tư xây dựng trong quý không?: điều tra viên hỏi thông tin từ chủ hộ, nếu hộ có thực hiện đầu tư xây dựng trong quý nào thì đánh dấu (X) vào cột tương ứng với quý đó, nếu hộ không đầu tư xây dựng thì bỏ trống.

Với những hộ không có đầu tư xây dựng trong quý (thông tin các cột 4, 5 đều bỏ trống), điều tra viên kết thúc điều tra tại hộ và lấy chữ ký của chủ hộ.

Cột 6, 7: Với những hộ có đánh dấu X ở ít nhất một trong hai cột 4, 5 điều tra viên hỏi tiếp hoạt động xây dựng của hộ do đơn vị nào thực hiện, nếu hộ thuê doanh nghiệp thì đánh dấu X vào cột 6, nếu hộ tự xây dựng hoặc thuê đội thợ thi công xây dựng thì đánh dấu X vào cột 7.

Lưu ý: chỉ đánh dấu X vào 1 trong 2 cột (cột 6 hoặc cột 7).

Với những hộ có đánh dấu X ở cột 7, điều tra viên tiếp tục thực hiện điều tra theo phiếu số 04/XDH-Q.

Chữ ký của chủ hộ: điều tra viên yêu cầu chủ hộ ký tên. Trường hợp không lấy được chữ ký của các hộ dân cư thuộc địa bàn điều tra thì có thể đề nghị tổ trưởng dân phố, trưởng thôn hoặc người đại diện khu vực... ký thay cho hộ.

Quy ước: Với những hộ có điều tra phiếu số 04/XDH-Q, điều tra viên không cần lấy chữ ký của chủ hộ ở phiếu số 03/DSH-Q.

.....

PHIẾU SỐ 04/XDH-Q
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA HỘ DÂN CƯ
(Quý)

Phiếu này chỉ thu thập thông tin về xây dựng do hộ dân cư trực tiếp đầu tư và tự tổ chức thi công hoặc thuê thợ cá thể thi công. Không tính công trình xây dựng do hộ đầu tư nhưng thuê doanh nghiệp thi công (vì kết quả hoạt động doanh nghiệp xây dựng đã thu thập được qua phiếu 01/DNXD-Q).

Hoạt động đầu tư xây dựng của hộ dân cư gồm các hoạt động đầu tư xây dựng công trình mới, sửa chữa nâng cấp công trình nhà ở hiện có đã thực hiện trong kỳ báo cáo.

Hộ dân cư đầu tư xây dựng chủ yếu là công trình nhà ở. Tính vào chi phí xây dựng nhà ở của hộ dân cư là phần chi phí xây dựng công trình dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ dân cư. Riêng với nhà riêng lẻ ở nông thôn, chi phí xây dựng công trình nhà ở chỉ tính phần chi phí xây dựng ngôi nhà chính để ở, chi phí xây dựng các ngôi nhà phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở được tính vào chi phí xây dựng công trình khác. Ngoài ra, hộ dân cư có thể còn xây dựng một số công trình khác phục vụ sản xuất như chuồng trại chăn nuôi, đào ao, lập vườn... Phần chi phí này cũng được tính vào chi phí xây dựng công trình khác. Lưu ý chỉ tính chi phí xây dựng công trình, không phải là đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Ví dụ: Hộ dân cư đầu tư xây dựng trại chăn nuôi lợn có diện tích là 100 m² được tính là chi phí xây dựng, mọi chi phí khác như mua lợn giống, thức ăn... không tính là đầu tư xây dựng.

Chi phí đầu tư xây dựng hộ dân cư bao gồm:

+ Chi phí vật liệu: Là toàn bộ giá trị vật liệu, cấu kiện xây dựng thực tế kết cấu vào thực thể công trình;

+ Chi phí nhân công: Là toàn bộ chi phí phải trả công thợ, kể cả công của người trong gia đình đóng góp cũng qui ước tính ra giá trị ngày công để ghi đủ chi phí;

+ Chi phí thuê máy thi công;

+ Chi phí khác phát sinh trong quá trình thi công.

Trong tổng chi phí đầu tư xây dựng, phải trừ đi các khoản thu phát sinh bất thường trong quá trình thi công như thu do tiêu thụ phế liệu xây dựng; thu do bán giàn giáo, cốp pha đã sử dụng xong...

Giá trị xây dựng thực hiện trong kỳ không bao gồm tiền thuê hoặc mua quyền sử dụng đất.

Lưu ý: Với các công trình đã hoàn thành, chỉ tính giá trị xây dựng đã thực hiện được trong kỳ, không tính phần xây dựng trong các kỳ trước chuyển sang; Với các công trình xây dựng dở dang, chỉ tính giá trị xây dựng phát sinh trong kỳ.

Cách ghi phiếu:

I. Thông tin chung

Ghi lần lượt các thông tin tương tự như phiếu số 03/DSH-Q.

II. Công trình xây dựng thực hiện trong kỳ

Cột A: Tên công trình: Ghi tên công trình theo đúng tên trong thiết kế kỹ thuật của công trình (nếu có).

Lưu ý: Ghi lần lượt từng công trình thực hiện trong kỳ, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

Cột B: Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

Cột C: Mã ngành: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành hoạt động xây dựng theo danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 củ Thủ tướng Chính phủ.

Cột D: Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

Cột E: Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành: Ghi rõ tháng, năm hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành của công trình.

Cột 1: Tổng giá trị công trình: Ghi ước tính tổng giá trị xây dựng của toàn bộ công trình khi hoàn thành.

Cột 2: Ghi giá trị thực hiện quý trước quý báo cáo.

Cột 3: Ghi giá trị dự tính thực hiện trong quý báo cáo.

Cột 4: Ghi giá trị cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo.

.....

PHIẾU SỐ 05/XDXP-N
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN
ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Năm)

Phạm vi thu thập thông tin tương tự như đối với Phiếu số 02/XDXP-Q: Phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng trên địa bàn xã/phường/thị trấn hàng quý.

Cách ghi phiếu:

I. Thông tin chung

Ghi lần lượt các thông tin tương tự như phiếu số 02/XDXP-Q.

II. Công trình xây dựng thực hiện trong năm

Cột A: Ghi số thứ tự công trình.

Cột B: Tên công trình: Ghi tên công trình theo đúng tên được xác định trong quyết định đầu tư hoặc thiết kế kỹ thuật của công trình (nếu có).

Trường hợp không có thiết kế kỹ thuật của công trình thì ghi mô tả chi tiết công trình, ví dụ: xây nhà tình nghĩa gia đình ông Nguyễn Văn A, sửa chữa đường liên thôn B, xây nhà thờ họ C....

Lưu ý: Ghi lần lượt từng công trình thực hiện trong năm, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

Cột C: Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

Cột D: Mã ngành: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành hoạt động xây dựng theo danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 củ Thủ tướng Chính phủ.

Cột E: Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

Cột G: Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành: Ghi rõ tháng, năm hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành của công trình.

Cột 1: Tổng giá trị công trình: Ghi ước tính tổng giá trị xây dựng của toàn bộ công trình khi hoàn thành.

Cột 2: Giá trị xây dựng thực hiện trong năm: Ghi tổng số tiền đầu tư xây dựng công trình trong năm.

Quy ước: Đối với một số loại nhà như: Nhà tình thương, nhà tình nghĩa, nhà đồng đội,... được xây dựng hoặc hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng chính sách, nếu xã/phường hoặc các tổ chức, cá nhân trao tặng xây dựng công trình thì quy ước ghi vào phiếu này, nếu hộ dân cư tự xây dựng (có hỗ trợ kinh phí từ các nguồn của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân) thì thực hiện điều tra theo phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng của hộ dân cư (phiếu số 07/XDH-N).

III. Nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm

Phần này ghi thông tin về nhà ở riêng lẻ xây dựng mới, sửa chữa lớn hoặc nâng cấp hoàn thành trong năm.

Cột A: Ghi lần lượt từng công trình nhà ở hoàn thành trong năm, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

Cột B: Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

Cột C: Mã công trình: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành theo danh mục công trình nhà ở như sau:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NHÀ Ở

STT	Tên công trình	Mã công trình
1	Nhà chung cư dưới 4 tầng	01
2	Nhà chung cư từ 4-8 tầng	02
3	Nhà chung cư từ 9-25 tầng	03
4	Nhà chung cư từ 26 tầng trở lên	04
5	Nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng	05
5.1	Nhà kiên cố	06
5.2	Nhà bán kiên cố	07
5.3	Nhà thiếu kiên cố	08
5.4	Nhà đơn sơ	09
6	Nhà ở riêng lẻ từ 4 tầng trở lên	10
7	Nhà biệt thự	11

Trong đó:

- Nhà chung cư: là những ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên được xây dựng dùng để ở, trong đó có nhiều căn hộ riêng biệt, có lối đi, cầu thang và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung.

Căn hộ: là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nhà chung cư.

- Nhà ở riêng lẻ: là những ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà một tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

Việc phân loại nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng theo mức độ kiên cố được quy định như sau:

+ Nhà kiên cố: Là nhà có ba kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà bán kiên cố: Là nhà có hai trong ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà thiếu kiên cố: Là nhà có một trong ba kết cấu chính cột, mái, tường được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà đơn sơ: Là nhà có cả ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc.

Đặc điểm nhận dạng vật liệu bền chắc, không bền chắc được thể hiện trong bảng dưới đây:

ĐẶC ĐIỂM NHẬN DẠNG VẬT LIỆU BỀN CHẮC, KHÔNG BỀN CHẮC

	Vật liệu chính làm cột	Vật liệu chính làm mái	Vật liệu chính làm tường bao che
Bền chắc	1. Bê tông cốt thép; 2. Xây gạch/đá; 3. Sắt/thép/gỗ bền chắc;	1. Bê tông cốt thép; 2. Ngói (xi măng, đất nung);	1. Bê tông cốt thép; 2. Xây gạch/đá; 3. Gỗ/kim loại;
Không bền chắc	4. Gỗ tạp/ tre; 5. Khác.	3. Tấm lợp (xi măng, kim loại); 4. Lá/ rơm rạ/ giấy dầu; 5. Khác	4. Đất/vôi/rom 5. Phiên/liếp/ván ép 6. Khác

- Nhà biệt thự: Là nhà ở riêng biệt, có sân, vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa...), tường rào và lối ra vào riêng biệt; có cấu trúc hoàn chỉnh, khép kín (đầy đủ các phòng ngủ, sinh hoạt chung, bếp ăn, vệ sinh, kho, để xe...); có ít nhất 02 mặt nhà liền kề trông ra sân hoặc vườn.

Lưu ý: Các loại nhà ở truyền thống khu vực nông thôn, miền núi với cấu trúc không hoàn chỉnh, khép kín không được xếp vào loại hình nhà ở biệt thự.

Cột D: Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

Cột 1 và 2: Ghi tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành và tổng chi phí xây dựng theo công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành.

- Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành được tính như sau:

Diện tích nhà ở xây dựng mới là tổng diện tích sàn xây dựng dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ dân cư, cá nhân, tổ chức. Riêng với nhà riêng lẻ ở nông thôn, chỉ tính cho ngôi nhà chính để ở, không tính diện tích của các ngôi nhà phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở.

Diện tích sàn xây dựng nhà ở được tính bao gồm diện tích sàn căn hộ/ nhà ở xây mới và diện tích sàn căn hộ/nhà ở tăng thêm do nâng tầng hoặc mở rộng, không tính diện tích của các nhà ở cũ được cải tạo.

Diện tích sàn xây dựng nhà ở xây mới không phân biệt thời gian khởi công công trình, bao gồm: Khởi công xây dựng từ những năm trước đó nhưng đến năm báo cáo mới hoàn thành bàn giao, khởi công và hoàn thành bàn giao trong năm báo cáo.

Diện tích sàn xây dựng được tính theo m², bao gồm cả diện tích tường chịu lực và tường ngăn, bao gồm:

(1) Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới của các nhà chung cư: Là tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới được sử dụng cho mục đích ở và sinh hoạt của từng căn hộ cộng lại.

Không tính diện tích sàn xây dựng được sử dụng chung cho các hộ gia đình trong nhà chung cư như: Diện tích cầu thang, diện tích đường đi, hành lang chung và diện tích các phòng dùng cho mục đích khác không phải ở như: phòng văn hoá, hội trường, trạm xá, nhà vệ sinh sử dụng chung, phòng bảo vệ...

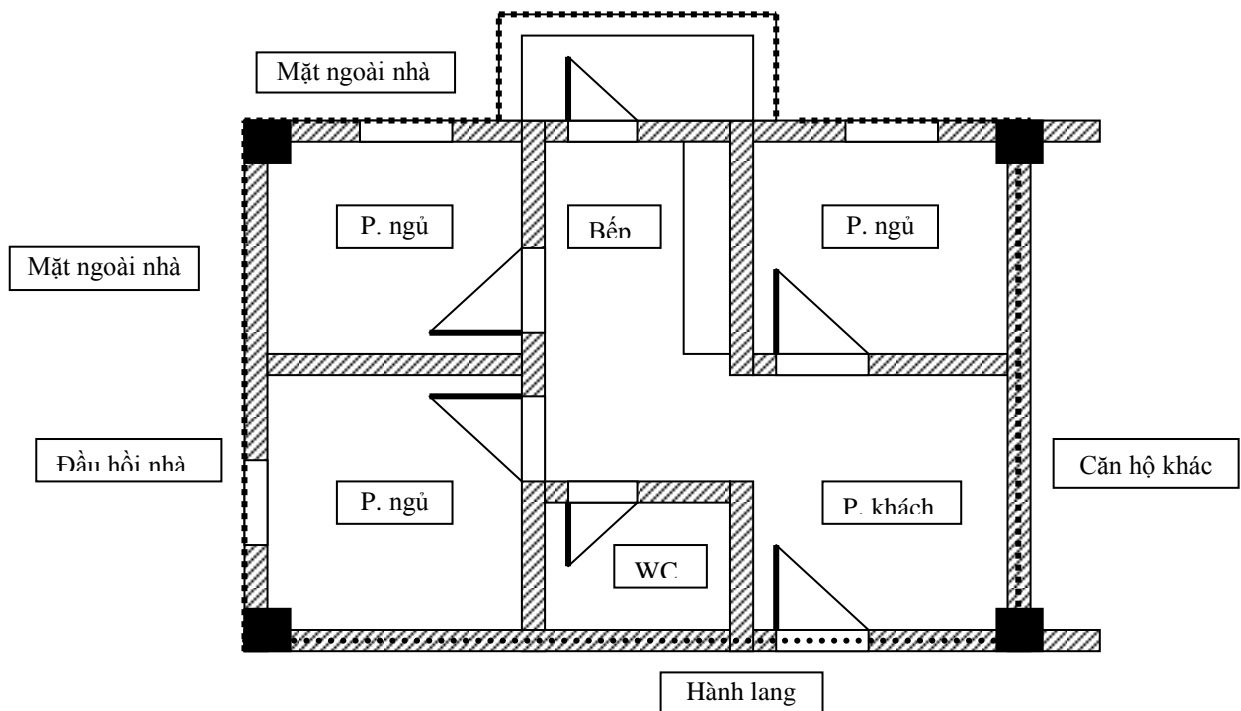
(2) Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới xây dựng của các ngôi nhà riêng lẻ và nhà biệt thự: là tổng diện tích sàn xây dựng dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bao gồm diện tích các phòng ngủ, phòng tiếp khách,

phòng đọc sách, giải trí... và diện tích hành lang, cầu thang, tiền sảnh ngôi nhà, không tính diện tích phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở.

+ Đối với nhà ở một tầng, thì ghi tổng diện tích phần nền nhà tính cả tường (phần có trần, mái che) của ngôi nhà đó; trường hợp có tường, khung cột chung thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Đối với nhà nhiều tầng, thì ghi tổng diện tích (phần có trần, mái che) của các tầng; trường hợp có tường, khung cột chung ở các tầng, thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Phần sàn và gầm sàn nhà không được bao che và không được sử dụng để ở, thì không tính diện tích. Trường hợp phần gầm sàn nhà cao từ 2,1 mét trở lên, có bao che và được sử dụng để ở, thì được tính diện tích.



Quy ước:

Diện tích căn hộ được tính theo đường

- Nếu khu bếp và khu vệ sinh được xây dựng liền kề với ngôi nhà mà hộ đang ở (chung hoặc liền tường), thì tính diện tích của khu bếp và khu vệ sinh đó vào tổng diện tích của ngôi nhà của hộ.

- Nếu khu bếp và khu vệ sinh được xây dựng hoàn toàn tách rời (độc lập) với ngôi nhà mà hộ đang ở dù trong cùng một khuôn viên đất thì không tính diện tích của khu bếp và khu vệ sinh vào tổng diện tích của ngôi nhà của hộ.

- Đối với ngôi nhà/căn hộ có khu bếp và khu vệ sinh khép kín như hình vẽ trên thì diện tích của ngôi nhà/căn hộ được tính theo phạm vi trong đường nét đứt.

- Trường hợp ngôi nhà/căn hộ có gác xép bảo đảm chiều cao từ gác xép đến trần từ 2,1 mét trở lên và diện tích tối thiểu 4 mét vuông thì phần gác xép này được tính vào tổng diện tích ở của ngôi nhà/căn hộ.

.....

PHIẾU SỐ 06/DSH-N
PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ TẠI ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA
(Năm)

Phiếu này lập danh sách tất cả các hộ dân cư có trên địa bàn được chọn mẫu điều tra nhằm xác định số lượng hộ thuộc diện điều tra, tên và địa chỉ của các hộ được điều tra, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót đơn vị hộ điều tra. Mỗi địa bàn được chọn mẫu điều tra lập thành một phiếu.

Điều tra viên đến từng hộ trong địa bàn được chọn mẫu điều tra, hỏi và ghi thông tin vào phiếu lập danh sách hộ dân cư thuộc địa bàn mẫu điều tra. Nếu hộ không thực hiện đầu tư xây dựng trong năm thì chỉ ghi thông tin của hộ vào phiếu này, nếu hộ có thực hiện đầu tư xây dựng trong năm thì điều tra theo phiếu số 07/XDH-Q.

Cách ghi phiếu:

I. Thông tin chung

Tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ; xã, phường, thị trấn: điều tra viên ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn: Cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

Địa bàn điều tra: Ghi tên địa bàn và địa bàn số theo Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

Khu vực: Điều tra viên khoanh tròn vào mã thành thị hoặc nông thôn theo danh sách địa bàn của Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

II. Kết quả lập danh sách hộ dân cư trong địa bàn

Cột 1: TT hộ: điều tra viên ghi thứ tự từ 1 đến hết của số hộ trong địa bàn.

Cột 2: Họ và tên chủ hộ: điều tra viên ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin của hộ.

Cột 3: Địa chỉ: điều tra viên ghi đầy đủ thông tin về thôn, ấp, số nhà, đường phố của hộ.

Cột 4: Hộ có đầu tư xây dựng trong năm không?: điều tra viên hỏi thông tin từ chủ hộ, nếu hộ có thực hiện đầu tư xây dựng trong năm thì đánh dấu (X) vào cột 4, nếu hộ không đầu tư xây dựng thì bỏ trống.

Với những hộ không có đầu tư xây dựng trong năm (thông tin cột 4 bỏ trống), điều tra viên kết thúc điều tra tại hộ và lấy chữ ký của chủ hộ.

Cột 5, 6: Với những hộ có đánh dấu X ở cột 4, điều tra viên hỏi tiếp hoạt động xây dựng của hộ do đơn vị nào thực hiện, nếu hộ thuê doanh nghiệp thì đánh dấu X vào cột 5, nếu hộ tự xây dựng hoặc thuê đội thợ thi công xây dựng thì đánh dấu X vào cột 6.

Lưu ý: chỉ đánh dấu X vào 1 trong 2 cột (cột 5 hoặc cột 6).

Với những hộ tự có đánh dấu X ở cột 6, điều tra viên tiếp tục thực hiện điều tra theo phiếu số 07/XDH-N.

Chữ ký của chủ hộ: điều tra viên yêu cầu chủ hộ ký tên. Trường hợp không lấy được chữ ký của các hộ dân cư thuộc địa bàn điều tra thì có thể đề nghị tổ trưởng dân phố, trưởng thôn hoặc người đại diện khu vực... ký thay cho hộ.

Quy ước: Với những hộ có điều tra phiếu số 07/XDH-N, điều tra viên không cần lấy chữ ký của chủ hộ ở phiếu số 06/DSH-N

.....

PHIẾU SỐ 07/XDH-N
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA HỘ DÂN CƯ
(Năm)

Phạm vi thu thập thông tin: tương tự như đối với Phiếu số 04/XDH-Q: Phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng của hộ dân cư hàng quý.

Cách ghi phiếu:

I. Thông tin chung

Ghi lần lượt các thông tin tương tự như phiếu số 06/DSH-N.

II. Công trình xây dựng thực hiện trong năm

Nội dung các cột ghi giống như hướng dẫn ghi mục II của Phiếu số 05/XDXP-N: Phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng thực hiện trên địa bàn xã/phường/thị trấn.

Lưu ý: Ghi lần lượt từng công trình thực hiện trong năm, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

III. Nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm của hộ dân cư

Phần này ghi thông tin về nhà ở riêng lẻ xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp hoàn thành trong năm của hộ dân cư.

Nội dung các cột ghi giống như hướng dẫn ghi mục III của Phiếu số 05/XDXP-N: Phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng thực hiện trên địa bàn xã/phường/thị trấn.